

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HOÀ BÌNH**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH BẠC LIÊU

Bản án số:05/2025/DSST

Ngày 24/01/2025

“Tranh chấp chia thừa kế

và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Liêu Tài Ngoánh

2. Ông Huỳnh Tài Em

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2023 về việc *“tranh chấp chia thừa kế và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Ấp thị trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn:* 1/ Ông Trần Thiện Trung, sinh năm: 1955

2/ Chị Trần Thanh T3, sinh năm: 1983

3/ Anh Trần Chí Nguyễn, sinh năm: 1987

Cùng địa chỉ: Ấp thị trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thanh Phượng (bà Phượng chết ngày 11/11/2022)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thanh Phượng:

1.1/ Ông Trần Thiện Trung, sinh năm: 1955

1.2/ Chị Trần Thanh T3, sinh năm: 1983

1.3/ Anh Trần Chí Nguyễn, sinh năm: 1987

Cùng địa chỉ: Ấp thị trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

2/ Ông Nguyễn Bá Ân, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Ấp thị trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

3/ Ông Nguyễn Thanh K2, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số 1600/42/1 đường Võ Văn K1, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

4/ Ông Nguyễn Tuấn K1, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Số 113 lô Lchung cư Ngô Gia Tự, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

5/ Ông Nguyễn T1, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Số 57, đường B25 khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

6/ Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Ấp thị trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn, đồng bị đơn và tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan trong vụ án đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bà Nguyễn Thị Hồng L là nguyên đơn trong vụ án trình bày: Nguồn gốc diện tích đất theo đo đạc thực tế là 20.061,4m² đất đang tranh chấp là của cha mẹ bà là cụ ông Nguyễn Khải Hoàn (*chết năm 2019*) và cụ bà Lê Thị Tám (*chết năm 1995*) khai phá diện tích 20.688m² đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Do khi còn sống cha bà sống chung với bà Nguyễn Thanh Phụng (*chết năm 2022*), nên sau khi cha bà chết thì bà Nguyễn Thanh Phụng tạm thời, quản lý sử dụng đến khi bà Phụng mất thì chồng và các con bà Phụng là ông Trung, chị T3 và anh Nguyễn quản lý, sử dụng. Phần đất đang tranh chấp đã được cấp QSD đất cho cụ Nguyễn Khải Hoàn. Khi cụ Hoàn chết thì còn nghĩa vụ tài sản chưa thực hiện là phải trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng và trả cho ông K2 100.000.000 đồng. Đồng thời trong phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 20.261,4 m² thì khi cụ Hoàn còn sống đã cho bà Nguyễn Thanh Phụng 04 công(*ở phần đất khác*) cho ông Nguyễn Thanh K2 04 công. Sau đó ông Nguyễn Thanh K2

đổi đất cho ông Nguyễn Tấn K1 cũng diện tích 04 công và ông K1 không có nhu cầu sử dụng nên đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Trần Thiện Trung và bà Nguyễn Thanh Phượng (04 công đất này có diện tích 1 công = $1.296m^2 \times 4 \text{ công} = 5.184m^2$). **Nay bà có yêu cầu:** Trong phần diện tích 20.261,4m² theo đo đạc thực tế là di sản cha mẹ bà để lại thì sau khi đối trừ diện tích trả cho vợ chồng ông Thiện Trung – bà Phượng; Trừ đi diện tích 01 công mồ mả thì bà yêu cầu tính ra giá trị diện tích còn lại thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Khải Hoàn trả cho ông K2 100.000.000 đồng; trả cho bà L 250.00.000 đồng còn lại bao nhiêu thì chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Theo đồng bị đơn ông Nguyễn Thiện Trung, chị Trần Thanh T3, anh Trần Chí Nguyễn trình bày: Nguồn gốc diện tích đất theo đo đạc thực tế là 20.261,4m² đất đang tranh chấp là của cha mẹ bà là cụ ông Nguyễn Khải Hoàn (chết năm 2019) và cụ bà Lê Thị Tám (chết năm 1995) chết để lại: Phần đất này hiện tại đang do ông Trần Thiện Trung, Trần Chí Nguyễn, Trần Thanh T3 quản lý sử dụng. Trong phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 20.261,4m² thì ông Thiện Trung và bà Phượng đã nhận chuyển nhượng từ ông K1. Nay cùng thống nhất với yêu cầu của bà L là được tiếp tục thực hiện hợp đồng được chuyển tên 04 công đất này có diện tích 1 công = $1.296m^2 \times 4 \text{ công} = 5.184m^2$ sang tên ông Trung, chị T3, anh Nguyễn. Đồng thời với tư cách là người thừa kế quyền lợi và nghĩa vụ của bà Thanh Phượng thì các ý kiến còn lại của bà L thì ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn thống nhất không có ý kiến khác. Tuy nhiên đối với kỷ phần được hưởng thì yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế là hiện vật đất = 01 công đất tương đương diện tích = $1.296m^2$ nhập chung với 04 công đã nhận chuyển nhượng từ ông K1. Tổng cộng là 05 công = $6.480m^2$

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ có liên qua ông Nguyễn Bá Ân, ông Nguyễn T1 và ông Nguyễn Tuấn K1 trình bày: Cùng thống nhất ý kiến và yêu cầu của bà L tuy nhiên đối với kỷ phần từng người được hưởng thì yêu cầu không nhận mà nhập vào 01 công đất mồ mả (cụ thể 01 người 01 công đất tương đương diện tích $1.000m^2$; Ba người = $3 \text{ công} \times 1.000 m^2 = 3.000m^2 + 01 \text{ công đất mồ mả } (1.000m^2) = 4.000m^2$. Và tạm thời tổng cộng 04 công đất này sau khi tách sổ với phần đất được chia cho các thừa kế khác, phần đất trả cho ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn thì tạm thời vẫn đứng tên ông Nguyễn Khải Hoàn.

Theo người có quyền lợi nghĩa vụ có liên qua ông Nguyễn Thanh K2 trình bày: Cùng thống nhất ý kiến và yêu cầu của bà L tuy nhiên đối với kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng thì ông yêu cầu được nhận giá trị.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L đối với ông Trần Thiện Trung, bà Trần Thanh T3 và ông Trần Chí Nguyễn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Khải Hoàn và cụ bà Lê Thị Tám để lại là diện tích theo đo đạc thực tế là 15.077,4m² thuộc thửa đất số 777, 778, 820, 844 và 681, tờ bản đồ số 04 (*thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 cũ*) đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu và thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông Nguyễn Khải Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L 250.000.000 đồng; Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 202.366.412 đồng; Bà Nguyễn Thị Hồng L được thực hiện nghĩa vụ của cụ Nguyễn Khải Hoàn về việc phải trả cho bà L 250.000.000 đồng tương ứng với việc ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự về việc giao cho bà Nguyễn Thị Hồng L quyền sử dụng đất có diện tích 9.781,4 m² tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 (*bản đồ năm 1997*) tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất này bà ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn đang quản lý, sử dụng nên buộc ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn có trách nhiệm giao phần đất có vị trí và số đo nêu trên cho bà Nguyễn Thị Hồng L quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị Hồng L được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai đối với phần đất có diện tích 9.781,4 m², tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 (*bản đồ năm 1997*) tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Khải Hoàn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L đối với diện tích 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (04 công đất đã cho ông Nguyễn Tuấn K1, sau đó ông Nguyễn Tuấn K1 đổi cho ông Trần Chí Nguyễn và bà Nguyễn Thanh Phương); Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh K2 đối với ông Trần Thiện Trung, bà Trần Thanh T3 và ông Trần Chí Nguyễn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Khải Hoàn và cụ bà Lê Thị Tám để lại là diện tích theo đo đạc thực tế là 15.077,4m² thuộc thửa đất số 777, 778, 820, 844 và 681, tờ bản đồ số 04 (*thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 cũ*) đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu và thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông Nguyễn Khải Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 100.000.000 đồng. Chia cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 202.366.412 đồng; Ông Nguyễn Thanh K2 được thực hiện nghĩa vụ của cụ Nguyễn Khải Hoàn về việc phải trả cho ông K2 100.000.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 302.366.412 đồng (*trong đó 100.000.000 đồng là nghĩa vụ mà ông Nguyễn Khải Hoàn phải thực hiện cho ông K2 và 202.366.412 đồng là giá trị kỷ phần thừa kế mà ông K2 được hưởng*). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh K2 đối với diện tích 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (*04 công đất đã cho ông Nguyễn Tuấn K1, sau đó ông Nguyễn Tuấn K1 đổi cho ông Trần Chí Nguyễn và bà*

Nguyễn Thanh Phụng); Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện Trung về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa vợ chồng ông là Trần Thiện Trung – Nguyễn Thanh Phụng và ông Nguyễn Tuấn K1 đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Ghi nhận sự tự nguyện của tất cả các đương sự về việc giao cho ông Trần Thiện Trung; anh Trần Chí Nguyễn; Chị Trần Thanh T3 quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Chia kỹ phần thừa kế cho ông Trần Thiện Trung, chị Nguyễn Thị Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn diện tích 1.296 m². Tổng diện tích ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thị Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn được quyền quản lý, sử dụng diện tích 6.480m² (bao gồm diện tích 5.184 m² nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tuấn K1 và 1.296 m² được nhận thừa kế cụ thể là phần đất số 2). Phần đất này ông Trần Thiện Trung; anh Trần Chí Nguyễn; Chị Trần Thanh T3 đang quản lý, sử dụng nên được tiếp tục quản lý, sử dụng. Ông Trần Thiện Trung; anh Trần Chí Nguyễn; Chị Trần Thanh T3 được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai đối với phần đất có diện tích 6.480 m², tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 (bản đồ năm 1997) tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Khải Hoàn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chia cho ông Nguyễn Bá Ân; ông Nguyễn Tuấn K1; ông Nguyễn T1 diện tích 4.000 m² đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình. Ghi nhận sự tự nguyện của tất cả các đương sự về việc giao cho ông Nguyễn Bá Ân; ông Nguyễn Tuấn K1; ông Nguyễn T1 được toàn quyền đồng quản lý, sử dụng diện tích 4.000 m² sử dụng làm khu mồ mả (**Phần đất số 1**) Trên phần đất này có các tài sản gồm: 05 cây chuối đang trổ buồng; 01 cây bơ chưa có trái; 01 cây sakê đang có trái; 30 cây mai nhỏ; 12 cây dừa đang cho trái; 05 cây cau kiểng đang có trái; 03 cây vú sữa đang có trái; 05 cây xoài đang có trái; 02 cây mận nhỏ; 01 căn nhà tiền chế ngang 03m, dài 04m, vách tol nền đất, mái lợp tol; 01 ao cá có diện tích ngang 18 m, dài 33m; 01 ngôi nhà mồ ngang 3,5 m; dài 4,5m (phần mộ gạch bông, trụ mái sắt tiền chế). Phần đất và toàn bộ tài sản trên đất này ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thanh T3, anh Trần Chí Nguyễn đang quản lý, sử dụng nên buộc ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thanh T3, anh Trần Chí Nguyễn có trách nhiệm giao phần đất có vị trí và số đo nêu trên cho ông Nguyễn Bá Ân; Nguyễn Tuấn K1; Nguyễn T1. Ông Nguyễn Bá Ân; Nguyễn Tuấn K1; Nguyễn T1 được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai đối với phần đất có diện tích 4.000m² tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 (bản đồ năm 1997) tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Khải Hoàn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chi phí thẩm định, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án tranh chấp chia thừa kế và thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L và đồng bị đơn ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thanh T3, anh Trần Chí Nguyễn theo quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L và đồng bị đơn đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thanh Phượng là ông Nguyễn Thiện Trung, chị Trần Thanh T3, anh Trần Chí Nguyễn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bá Ân, Ông Nguyễn Thanh K2, Ông Nguyễn Tuấn K1, Ông Nguyễn T1, Bà Nguyễn Thị Hồng L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn và cụ bà Lê Thị Tám chết để lại là diện tích đất theo đo đạc thực tế là 20.261,4m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu và thực hiện nghĩa vụ của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 250.000.000 đồng.

[3.1.1] Theo như các bên đương sự thông nhất xác định thì nguồn gốc diện tích đất theo đo đạc thực tế là 20.261,4m² đất đang tranh chấp là di sản của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn (*chết năm 2009*) và cụ bà Lê Thị Tám (*chết năm 1995*) để lại thuộc thửa đất số 777, 778, 820, 844 và 681, tờ bản đồ số 04 (*thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 cũ*) đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

*** Phần đất số 1**

- Hướng đông giáp lộ số đo 19,43m, giáp thửa 775 có số đo 13,38m
- Hướng tây giáp phần đất số 2 (*phần lộ*) có số đo 33,10m
- Hướng nam giáp thửa đất 776 có số đo 51,73m; thửa 822 có số đo 64,51m
- Hướng bắc giáp thửa đất 762 có số đo 64,63m; giáp một phần thửa 761 và một phần thửa 779 có số đo 59,61m

Diện tích: 4.000m²

Trên phần đất này có các tài sản gồm: 05 cây chuối đang trổ buồng; 01 cây bơ chưa có trái; 01 cây sakê đang có trái; 30 cây mai nhỏ; 12 cây dừa đang cho trái; 05

cây cau kiềng đang có trái; 03 cây vú sữa đang có trái; 05 cây xoài đang có trái; 02 cây mận nhỏ; 01 căn nhà tiền chế ngang 03m, dài 04m, vách tol nền đất, mái lợp tol; 01 ao cá có diện tích ngang 18m, dài 33m; 01 ngôi nhà mô ngang 3,5m; dài 4,5m (phần mộ gạch bông, trụ mái sắt tiền chế)

Phần đất và toàn bộ tài sản trên đất này bà ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn đang quản lý, sử dụng

*** Phần đất số 2**

- Hướng đông giáp phần đất số 1 có số đo 33,1m
- Hướng tây giáp phần đất số 3 có số đo 34,25m
- Hướng nam giáp một phần đất thửa 822; 821 và 842 có số đo 192,74m
- Hướng bắc giáp một phần đất thửa 819; 780 và 779 có số đo 192,15m

Diện tích: 6.480m²

Phần đất này bà ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn đang quản lý, sử dụng

*** Phần đất số 3**

- Hướng đông giáp phần đất số 2 có số đo 34,25m
- Hướng tây giáp kênh thủy lợi có số đo 34,05m
- Hướng nam giáp một phần đất thửa 862; 843 và 842 có số đo 282,77m
- Hướng bắc giáp thửa 819; 854 có số đo 281,64m

Diện tích: 9.781,4m²

Phần đất này ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn đang quản lý, sử dụng

[3.1.2]Cụ Hoàn và cụ Tám có tất cả 06người con gồm: Bà Nguyễn Thanh Phụng; Ông Nguyễn Bá Ân, Ông Nguyễn Thanh K2, Ông Nguyễn Tuấn K1, Ông Nguyễn T1, Bà Nguyễn Thị Hồng L, Bà Phụng chết hàng thừa kế của bà Phụng gồm ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn.Cụ bà Lê Thị Tám chết vào năm 1995 và cụ ông Nguyễn Khải Hoàn chết năm 2009.

[3.1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Bá Ân, ông Nguyễn Thanh K2, ông Nguyễn Tuấn K1,ông Nguyễn T1, Bà Nguyễn Thị Hồng L và hàng thừa kế của bà Phụng gồm ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn đều xác định diện tích đất theo đo đạc thực tế là 20.261,4m² hiện tại đang do ông Trần Thiện Trung, Trần Chí Nguyễn, Trần Thanh T3 quản lý sử dụng.

[3.1.4]Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản chung của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn và cụ bà Lê Thị Tám. Như vậy diện tích 20.261,4m² : 2 = 10.130,7m²(*di sản của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn để lại = 10.130,7m²; Cụ bà Lê Thị Tám để lại = 10.130,7m²*). Cụ Hoàn còn nghĩa vụ tài sản phải thực hiện đó là phải trả cho bà L 250.000.000 đồng; trả cho ông K2 100.000.000 đồng. Ngoài nghĩa vụ này ra thì cụ

Hoàn khi còn sống đã cho ông K104 công đất = 5.184m^2 , sau đó ông K1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Trần Thiện Trung và bà Nguyễn Thanh Phượng. Xét thấy phần nghĩa vụ của cụ Hoàn phải thực hiện với bà L, ông K2; Phần diện tích 5.184m^2 đất cụ Hoàn cho ông K1, ông K1 chuyển nhượng cho ông Thiện Trung và bà Phượng phải thực hiện theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên bà L, ông K2, ông Ân, ông T1, ông K1, ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn tự nguyện cùng thống nhất toàn bộ diện tích $15.077,4\text{m}^2$ được gộp chung lại là di sản của cha mẹ (cụ Hoàn và cụ Tám) để thực hiện nghĩa vụ của cụ Hoàn chết để lại đối với bà L, ông K2 đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo thỏa thuận mà không yêu cầu xem xét xử lý theo quy định, **cụ thể được xử lý cụ thể như sau:**

[3.1.4.1] Đồng ý yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với diện tích $15.077,4\text{m}^2$ và thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại của bà L; Đồng ý yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thanh K2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích $15.077,4\text{m}^2$ và thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại là trả cho ông K2 100.000.000 đồng; Đồng ý yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện Trung về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trần Thiện Trung - bà Nguyễn Thanh Phượng và ông Nguyễn Tuấn K1 đối với diện tích 5.184m^2 nêu trên. Đồng thời các bên yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.1.4.2] Như vậy, căn cứ vào sự thỏa thuận giữa các bên thì diện tích $20.261,4\text{m}^2 - 5.184\text{m}^2$ (phần diện tích đã chuyển nhượng cho bà Phượng – ông Trung) = $15.077,4\text{m}^2$. Trong diện tích $15.077,4\text{m}^2$ này giao cho ông Nguyễn Bá Ân, Nguyễn Tuấn K1 và Nguyễn T1 đồng quản lý, sử dụng diện tích = 4.000m^2 (Phần đất số 1) để làm khu mộ mả thờ cúng cha mẹ và phần đất này là tài sản chung của ông Nguyễn Bá Ân; Nguyễn Tuấn K1 và Nguyễn T1 tạm thời vẫn đứng tên ông Nguyễn Khải Hoàn cho đến khi các bên đi liên hệ để được cấp QSD đất đối với phần đất này.

[3.1.4.3] Chia cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Phượng là ông Trần Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn kỷ phần thừa kế của bà Phượng là hiện vật đất = 01 công đất tương đương diện tích = 1.296m^2 .

[3.1.4.4] Như vậy sau khi trừ cụ thể: Diện tích $15.077,4\text{m}^2 - 1.296\text{m}^2 = 13.781,4\text{m}^2$. Số diện tích $13.781,4\text{m}^2$ còn lại sẽ căn cứ vào kết quả định giá tại tòa án để tính ra giá trị bằng tiền. Khi có số tiền cụ thể sẽ phải thực hiện nghĩa vụ của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn để lại cụ thể: Trả cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 100.000.000 đồng; trả cho bà L số tiền 250.000.000 đồng còn lại bao nhiêu chia đều cho hai người còn lại là bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Thanh K2.

[3.1.4.5] Tại biên bản định giá ngày 17/11/2023 phần đất tranh chấp có giá $77.160\text{đồng}/\text{m}^2$. Như vậy $13.781,4\text{m}^2 \times 77.160\text{đồng} = 1.062.732.824\text{đồng}$. Số tiền này phải thực hiện nghĩa vụ của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn cụ thể trả cho bà L = 250.000.000 đồng; Trả cho ông K2 = 100.000.000 đồng. Như vậy $1.062.732.824\text{đồng}$

- 250.000.000 đồng - 100.000.000 đồng = 404.732.824 đồng : 2 = 202.366.412 đồng;
Bà L được chia 202.366.412 đồng; ông K2 được chia 202.366.412 đồng.

[3.1.2] Xét thấy toàn bộ thỏa thuận nêu trên là sự tự nguyện của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Ngoài raxét thấy diện tích 9.781,4m² đất còn lại trong đó còn phải thực hiện nghĩa vụ của chính bà L là 250.000.000 đồng; nghĩa vụ của ông K2 là 100.000.000 đồng và bản thân bà L cũng có nguyện vọng được nhận kỷ phần bằng hiện vật và được quyền quản lý, sử dụng diện tích 9.781,4m² đất và trả lại cho ông K2 100.000.000 đồng (*nghĩa vụ của cụ Hoàn phải thực hiện cho ông K2*) và 202.366.412 đồng là giá trị kỷ phần thừa kế mà ông K2 được hưởng. Xét thấy nguyện vọng của bà L là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại đồng thời cũng được sự đồng ý của ông K2 và các hàng thừa kế khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này và giao toàn bộ diện tích 9.781,4m² đất cho bà L quản lý, sử dụng (*phần đất số 3*) và bà L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 302.366.412 đồng (*trong đó 100.000.000 đồng là nghĩa vụ mà ông Nguyễn Khải Hoàn phải thực hiện cho ông K2 và 202.366.412 đồng là giá trị kỷ phần thừa kế mà ông K2 được hưởng*)

[3.1.3] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L về việc: Thực hiện nghĩa vụ của cụ Nguyễn Khải Hoàn buộc những người thừa kế của cụ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L 250.000.000 đồng. yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hoàn và cụ Tám để lại với diện tích 15.077,4m² đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[3.1.4] Bà Nguyễn Thị Hồng L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 5.184 m² cho nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L đối với diện tích 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (04 công đất đã cho ông Nguyễn Tuấn K1, sau đó ông Nguyễn Tuấn K1 đổi cho ông Trần Chí Nguyễn và bà Nguyễn Thanh Phụng)

[3.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh K2 chia di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn và cụ bà Lê Thị Tám chết để lại là diện tích đất theo đo đạc thực tế là 15.077,4m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu và thực hiện nghĩa vụ của cụ ông Nguyễn Khải Hoàn phải trả cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 100.000.000 đồng.*

[3.2.1] Như đã phân tích ở mục 3.1, ghi nhận sự tự nguyện của tất cả các bên đương sự có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thanh K2; Cụ thể đối với kỷ phần thừa kế mà ông Nguyễn Thanh K2 được chia giá trị theo kỷ phần thừa kế là 202.366.412 đồng; Bà Nguyễn Hồng L có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 302.366.412 đồng (*trong đó 100.000.000 đồng là nghĩa vụ mà ông Nguyễn Khải Hoàn phải thực hiện cho ông K2 và 202.366.412 đồng là giá trị kỷ phần thừa kế mà ông K2 được hưởng*)

[3.2.2] Ông Nguyễn Thanh K2 có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 5.184 m² cho nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh K2 đối với diện tích 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (04 công đất đã cho ông Nguyễn Tuấn K1, sau đó ông Nguyễn Tuấn K1 đổi cho ông Trần Chí Nguyễn và bà Nguyễn Thanh Phụng)

[3.3] Xét yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện Trung về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa vợ chồng ông và ông Nguyễn Tuấn K1 đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

[3.3.1] Như đã phân tích ở mục 3.1 ghi nhận sự tự nguyện của tất cả các bên đương sự có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Trần Thiện Trung về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất diện tích 5.184m² giữa vợ chồng ông Trần Thiện Trung, Nguyễn Thanh Phụng với ông Nguyễn Tuấn K1.

[3.3.2] Ngoài ra ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thị Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn được chia kỷ phần thừa kế là hiện vật với diện tích 1.296 m². Như vậy ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thị Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn được quyền quản lý, sử dụng diện tích 6.480m² (Phần đất số 2)

[4] Đối với các tài sản trên đất thì các bên không yêu cầu cho nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chi phí thẩm định, định giá phần đất tranh chấp là 9.217.861 đồng, các bên đương sự phải chịu tương ứng chi phí tố tụng với phần di sản được hưởng. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Hồng L có nguyện vọng chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L. Bà L đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng 9.217.861 đồng được đối trừ nên bà L không phải nộp tiếp.

[6] Về án phí: Theo quy định của pháp luật thì hàng thừa kế của cụ Nguyễn Khải Hoàn và cụ Lê Thị Tám phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ về tài sản của cụ Hoàn; Phải chịu tiền án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng từ cụ Tám; Tiền án phí đối với kỷ phần thừa kế được hưởng từ cụ Hoàn (nếu còn). Tuy nhiên do bà L, ông K2, ông Ân, ông T1, ông K1, ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn tự nguyện cùng thống nhất toàn bộ diện tích 15.077,4m² được gộp chung lại là di sản của cha mẹ để lại dùng để thực hiện nghĩa vụ của cụ Hoàn cho bà L, ông K2; đồng thời yêu cầu chia thừa kế theo sự thỏa thuận của bà L, ông K2, ông Ân, ông T1, ông K1, ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn mà không yêu cầu xem xét xử lý theo quy định. Do đó án phí mà các bên phải chịu như sau:

[6.1] Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là 202.366.412 đồng x 5% = 10.118.321 đồng; Phải chịu tiền án phí đối với khoản

tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng}$; $17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà bà Nguyễn Thị Hồng L phải nộp là $10.118.321 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 13.035.321 \text{ đồng}$. Bà Nguyễn Thị Hồng L đã tạm dự nộp 6.550.000 đồng tại biên lai thu số 00011624 ngày 20/06/2023 của chi cục thi hành án huyện Hòa Bình được đối trừ, bà Nguyễn Thị Hồng L còn phải nộp thêm $13.035.321 \text{ đồng} - 6.550.000 \text{ đồng} = 6.485.321 \text{ đồng}$ tại chi cục thi hành án huyện Hòa Bình.

[6.2] Ông Nguyễn Thanh K2 chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $202.366.412 \text{ đồng} \times 5\% = 10.118.321 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng}$; $17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà ông Nguyễn Thanh K2 phải nộp là $10.118.321 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 13.035.321 \text{ đồng}$. Tuy nhiên ông Nguyễn Thanh K2 thuộc diện người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên ông Nguyễn Thanh K2 được miễn không phải nộp.

[6.3] Ông Trần Thiện Trung; chị Trần Thị Thanh T3; anh Trần Chí Nguyễn chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $1.296 \text{ m}^2 \times 77.160 \text{ đồng} = 99.999.360 \text{ đồng}$; $99.999.360 \text{ đồng} \times 5\% = 4.999.968 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng}$; $17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà Trần Thiện Trung; Chị Trần Thị Thanh T3; anh Trần Chí Nguyễn phải nộp là $4.999.968 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 7.916.968 \text{ đồng}$. Tuy nhiên ông Trần Thiện Trung thuộc diện người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên ông Trần Thiện Trung được miễn khoản tiền ông Trung phải nộp là 2.738.989 đồng; chị Trần Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn phải nộp khoản tiền án phí còn lại là $7.916.968 \text{ đồng} - 2.738.989 \text{ đồng} = 5.177.979 \text{ đồng}$ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

[6.4] Ông Nguyễn T1 chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $4.000 \text{ m}^2 \times 77.160 \text{ đồng} = 308.640.000 \text{ đồng}$; $308.640.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.432.000 \text{ đồng}$; $15.432.000 \text{ đồng} : 3 = 5.144.000 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng}$; $17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà ông Nguyễn T1 phải nộp là $5.144.000 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 8.061.000 \text{ đồng}$ nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

[6.5] Ông Nguyễn Tuấn K1 chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $4.000 \text{ m}^2 \times 77.160 \text{ đồng} = 308.640.000 \text{ đồng}$; $308.640.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.432.000 \text{ đồng}$; $15.432.000 \text{ đồng} : 3 = 5.144.000 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng}$; $17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trung - bà Phượng và ông K1 là 300.000 đồng Tổng số tiền án phí mà ông Nguyễn Tuấn K1 phải nộp là $5.144.000 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng} = 8.361.000 \text{ đồng}$ nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

[6.6] Ông Nguyễn Bá Ân chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $4.000 \text{ m}^2 \times 77.160 \text{ đồng} = 308.640.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.432.000 \text{ đồng} : 3 = 5.144.000 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà ông Nguyễn Bá Ân phải nộp là $5.144.000 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 8.061.000 \text{ đồng}$ nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình. Tuy nhiên ông thuộc diện người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên ông Nguyễn Bá Ân được miễn khoản tiền nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

[7] Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; Điều 650, 651 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L đối với ông Trần Thiện Trung, bà Trần Thanh T3 và ông Trần Chí Nguyễn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Khải Hoàn và cụ bà Lê Thị Tám để lại là diện tích theo đo đạc thực tế là $15.077,4 \text{ m}^2$ thuộc thửa đất số 777, 778, 820, 844 và 681, tờ bản đồ số 04 (*thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 cũ*) đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu và thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông Nguyễn Khải Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng L 250.000.000 đồng.

1.1/ Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 202.366.412 đồng; Bà Nguyễn Thị Hồng L được thực hiện nghĩa vụ của cụ Nguyễn Khải Hoàn về việc phải trả cho bà L 250.000.000 đồng tương ứng với việc ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự về việc giao cho bà Nguyễn Thị Hồng L quyền sử dụng đất có diện tích $9.781,4 \text{ m}^2$ tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 (*bản đồ năm 1997*) tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng đông giáp phần đất số 2 có số đo 34,25m
- Hướng tây giáp kênh thủy lợi có số đo 34,05m
- Hướng nam giáp một phần đất thửa 862; 843 và 842 có số đo 282,77m
- Hướng bắc giáp thửa 819; 854 có số đo 281,64m

1.2/ Phần đất này bà ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn đang quản lý, sử dụng nên buộc ông Thiện Trung, chị T3, anh Nguyễn có trách nhiệm giao phần đất có vị trí và số đo nêu trên cho bà Nguyễn Thị Hồng L quản lý, sử dụng.

1.3./ Bà Nguyễn Thị Hồng L được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai đối với phần đất có diện tích 9.781,4 m², tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 (*bản đồ năm 1997*) tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Khải Hoàn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.4/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng L đối với diện tích 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (04 công đất đã cho ông Nguyễn Tuấn K1, sau đó ông Nguyễn Tuấn K1 đổi cho ông Trần Chí Nguyễn và bà Nguyễn Thanh Phụng).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh K2 đối với ông Trần Thiện Trung, bà Trần Thanh T3 và ông Trần Chí Nguyễn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Khải Hoàn và cụ bà Lê Thị Tám để lại là diện tích theo đo đạc thực tế là 15.077,4m² thuộc thửa đất số 777, 778, 820, 844 và 681, tờ bản đồ số 04 (*thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 cũ*) đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu và thực hiện nghĩa vụ về tài sản của ông Nguyễn Khải Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 100.000.000 đồng.

2.1/ Chia cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 202.366.412 đồng; Ông Nguyễn Thanh K2 được thực hiện nghĩa vụ của cụ Nguyễn Khải Hoàn về việc phải trả cho ông K2 100.000.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng L phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh K2 số tiền 302.366.412 đồng (*trong đó 100.000.000 đồng là nghĩa vụ mà ông Nguyễn Khải Hoàn phải thực hiện cho ông K2 và 202.366.412 đồng là giá trị kỷ phần thừa kế mà ông K2 được hưởng*)

2.2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh K2 đối với diện tích 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (04 công đất đã cho ông Nguyễn Tuấn K1, sau đó ông Nguyễn Tuấn K1 đổi cho ông Trần Chí Nguyễn và bà Nguyễn Thanh Phụng).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện Trung về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa vợ chồng ông Trần Thiện Trung – Nguyễn Thanh Phụng và ông Nguyễn Tuấn K1 đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

3.1/ Ghi nhận sự tự nguyện của tất cả các đương sự về việc giao cho ông Trần Thiện Trung; anh Trần Chí Nguyễn; Chị Trần Thanh T3 quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 5.184 m² tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Chia kỷ phần thừa kế cho ông Trần Thiện Trung, chị Nguyễn Thị Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn diện tích 1.296 m². Tổng diện tích ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thị Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn được quyền quản lý, sử dụng diện tích 6.480m² (*bao gồm diện tích 5.184 m² nhận*

chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tuấn K1 và 1.296 m² được nhận thừa kế cụ thể là phần đất số 2). Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng đông giáp phần đất số 1 có số đo 33,1m
- Hướng tây giáp phần đất số 3 có số đo 34,25m
- Hướng nam giáp một phần đất thửa 822; 821 và 842 có số đo 192,74m
- Hướng bắc giáp một phần đất thửa 819; 780 và 779 có số đo 192,15m

3.2/ Phần đất này ông Trần Thiện Trung; anh Trần Chí Nguyễn; Chị Trần Thanh T3 đang quản lý, sử dụng nên được tiếp tục quản lý, sử dụng.

3.3/ Ông Trần Thiện Trung; anh Trần Chí Nguyễn; Chị Trần Thanh T3 được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai đối với phần đất có diện tích 6.480 m², tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 (bản đồ năm 1997) tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Khải Hoàn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4/ Chia cho ông Nguyễn Bá Ân; ông Nguyễn Tuấn K1; ông Nguyễn T1 diện tích 4.000 m² đất tọa lạc tại ấp 21, xã Minh Diệu, huyện Hòa Bình. Ghi nhận sự tự nguyện của tất cả các đương sự về việc giao cho ông Nguyễn Bá Ân; ông Nguyễn Tuấn K1; ông Nguyễn T1 được toàn quyền đồng quản lý, sử dụng diện tích 4.000 m² sử dụng làm khu mồ mã (**Phần đất số 1**), Đất có vị trí và số đo như sau.

Hướng đông giáp lộ số đo 19,43m, giáp thửa 775 có số đo 13,38m

Hướng tây giáp phần đất số 2 (phần lộ) có số đo 33,10m

Hướng nam giáp thửa đất 776 có số đo 51,73m; thửa 822 có số đo 64,51m

Hướng bắc giáp thửa đất 762 có số đo 64,63m; giáp một phần thửa 761 và một phần thửa 779 có số đo 59,61m

4.1/ Trên phần đất này có các tài sản gồm: 05 cây chuối đang trổ buồng; 01 cây bơ chưa có trái; 01 cây sakê đang có trái; 30 cây mai nhỏ; 12 cây dừa đang cho trái; 05 cây cau kiểng đang có trái; 03 cây vú sữa đang có trái; 05 cây xoài đang có trái; 02 cây mận nhỏ; 01 căn nhà tiền chế ngang 03m, dài 04m, vách tol nền đất, mái lợp tol; 01 ao cá có diện tích ngang 18 m, dài 33m; 01 ngôi nhà mồ ngang 3,5 m; dài 4,5m (phần mộ gạch bông, trụ mái sắt tiền chế)

4.2/ Phần đất và toàn bộ tài sản trên đất này ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thanh T3, anh Trần Chí Nguyễn đang quản lý, sử dụng nên buộc ông Trần Thiện Trung, chị Trần Thanh T3, anh Trần Chí Nguyễn có trách nhiệm giao phần đất có vị trí và số đo nêu trên cho ông Nguyễn Bá Ân; Nguyễn Tuấn K1; Nguyễn T1.

4.3/ Ông Nguyễn Bá Ân; Nguyễn Tuấn K1; Nguyễn T1 được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai đối với phần đất có diện tích 4.000m² tại thửa đất số 820, tờ bản đồ số 09 (bản đồ năm 1997) tọa lạc tại ấp 21, xã Minh

Diệu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Khải Hoàn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chi phí thẩm định, định giá phần đất tranh chấp là 9.217.861 đồng Các bên đương sự phải chịu tương ứng chi phí tố tụng với phần di sản được hưởng. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Hồng L có nguyện vọng chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L. Bà L đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng 9.217.861 đồng được đối trừ nên bà L không phải nộp tiếp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm.

[6.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $202.366.412 \text{ đồng} \times 5\% = 10.118.321 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà bà Nguyễn Thị Hồng L phải nộp là $10.118.321 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 13.035.321 \text{ đồng}$. Bà Nguyễn Thị Hồng L đã tạm dự nộp 6.550.000 đồng tại biên lai thu số 00011624 ngày 20.06/2023 của chi cục thi hành án huyện Hòa Bình được đối trừ, bà Nguyễn Thị Hồng L còn phải nộp thêm $13.035.321 \text{ đồng} - 6.550.000 \text{ đồng} = 6.485.321 \text{ đồng}$ tại chi cục thi hành án huyện Hòa Bình.

[6.2] Ông Nguyễn Thanh K2 chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $202.366.412 \text{ đồng} \times 5\% = 10.118.321 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà ông Nguyễn Thanh K2 phải nộp là $10.118.321 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 13.035.321 \text{ đồng}$. Tuy nhiên ông Nguyễn Thanh K2 thuộc diện người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên ông Nguyễn Thanh K2 được miễn không phải nộp.

[6.3] Ông Trần Thiện Trung; chị Trần Thị Thanh T3; anh Trần Chí Nguyễn chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $1.296 \text{ m}^2 \times 77.160 \text{ đồng} = 99.999.360 \text{ đồng} \times 5\% = 4.999.968 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà Trần Thiện Trung; chị Trần Thị Thanh T3; anh Trần Chí Nguyễn phải nộp là $4.999.968 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 7.916.968 \text{ đồng}$. Tuy nhiên ông Trần Thiện Trung thuộc diện người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên ông Trần Thiện Trung được miễn khoản tiền ông Trung phải nộp là 2.738.989 đồng; chị Trần Thị Thanh T3 và anh Trần Chí Nguyễn phải nộp khoản tiền án phí còn lại là $7.916.968 \text{ đồng} - 2.738.989 \text{ đồng} = 5.177.979 \text{ đồng}$ tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

[6.4] Ông Nguyễn T1 chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $4.000 \text{ m}^2 \times 77.160 \text{ đồng} = 308.640.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.432.000 \text{ đồng} : 3 = 5.144.000 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàng để lại

$350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà ông Nguyễn T1 phải nộp là $5.144.000 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 8.061.000 \text{ đồng}$ nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

[6.5] Ông Nguyễn Tuấn K1 chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $4.000 \text{ m}^2 \times 77.160 \text{ đồng} = 308.640.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.432.000 \text{ đồng} : 3 = 5.144.000 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàn để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trung - bà Phụng và ông K1 là 300.000 đồng Tổng số tiền án phí mà ông Nguyễn Tuấn K1 phải nộp là $5.144.000 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng} = 8.361.000 \text{ đồng}$ nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

[6.6] Ông Nguyễn Bá Ân chịu tương ứng với phần di sản được hưởng là $4.000 \text{ m}^2 \times 77.160 \text{ đồng} = 308.640.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.432.000 \text{ đồng} : 3 = 5.144.000 \text{ đồng}$; Phải chịu tiền án phí đối với khoản tiền thực hiện nghĩa vụ do cụ Hoàng để lại $350.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.500.000 \text{ đồng} : 6 = 2.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền án phí mà ông Nguyễn Bá Ân phải nộp là $5.144.000 \text{ đồng} + 2.917.000 \text{ đồng} = 8.061.000 \text{ đồng}$ nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình. Tuy nhiên ông thuộc diện người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên ông Nguyễn Bá Ân được miễn khoản tiền nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

LÊ THỊ NAM